

19-GIẢI THÍCH TƯỚNG CỦA ĐÀN BA-LA-MẬT

Hỏi: Sao gọi là Đàn?

Đáp: Đàn gọi là bố thí. Tâm tương ứng với tư tâm sở thiện; ấy gọi là Đàn.

Có người nói: “Tư tâm sở thiện, khởi lên thân nghiệp, khẩu nghiệp, ấy gọi là Đàn”.

Có người nói: “Có lòng tin, có phước điền, có tài vật, khi cả ba sự hòa hợp, tâm sanh pháp “xả”, có thể phá hoại xan tham; ấy gọi là Đàn. Thí như pháp “từ”, quán thấy chúng sanh không vui mà tâm sanh thương. Tâm sở pháp bố thí cũng như vậy. Ba sự hòa hợp, tâm sanh pháp “xả”, có thể phá hoại xan tham.

Đàn có ba thứ: Hoặc hệ thuộc theo Dục giới, hoặc hệ thuộc theo Sắc giới; hoặc không hệ thuộc (Thánh nhân làm bố thí là không hệ thuộc). Nói là pháp tương ứng với tâm, theo tâm hành động cùng với tâm sanh, chẳng phải là sắc pháp, có thể làm duyên. Chẳng phải nghiệp, nhưng tương ứng với nghiệp, theo nghiệp hành động, cùng với nghiệp sanh; chẳng phải là nghiệp báo đời trước sanh.

Hai lối tu nên tu, là hành tu và đắc tu.

Hai lối chứng là thân chứng và tuệ chứng.

Hoặc tư duy đoạn, hoặc chẳng đoạn, hai kiến đoạn (Dục giới, Sắc giới tận đoạn). Là pháp có giác có quán, phạm phu và Thánh nhân cùng tu hành.

Các nghĩa như vậy v.v... có phân biệt nói rộng ở trong A-tỳ-đàm.

Lại nữa, thí có hai thứ: Có thanh tịnh và không thanh tịnh. Thí không thanh tịnh là: Hàng ngu si thí mà không hiểu gì; hoặc có khi vì cầu tài nên thí; hoặc vì sợ hiềm trách nên thí; hoặc vì muốn cầu ý người nên thí; hoặc sợ chết nên thí; hoặc dối người để cho họ mừng nên thí; hoặc tự cho giàu sang nên phải thí; hoặc tranh hơn nên thí; hoặc ganh ghét sân si nên thí; hoặc kiêu mạn tự cao nên thí; hoặc vì danh dự nên thí; hoặc vì chú nguyện nên thí, hoặc giải trừ suy hoại cầu tốt lành nên thí; hoặc vì quy tụ đông người nên thí; hoặc khinh hèn không cung kính nên thí. Các thứ thí như vậy v.v... gọi là thí không thanh tịnh.

Thí thanh tịnh là trái ngược lại với trên, gọi là thí thanh tịnh.

Lại nữa, vì đạo nên thí, tâm sanh thanh tịnh; không các kiết sử; không cầu quả báo đời này đời sau, cung kính thương xót; ấy gọi là thí thanh tịnh. Thí thanh tịnh là tư lương đưa đến đạo Niết-bàn; thế cho nên nói vì đạo nên thí. Nếu chưa được Niết-bàn, sự thí ấy là các nhân của lạc báo ở cõi Trời cõi người. Như hoa anh lạc, mới thành chưa hoại, hương thơm tinh khiết, tươi đẹp. Vì Niết-bàn mà tịnh thí, được hưởng quả báo, cũng như vậy. Như Phật nói: “Đời có hạng người khó được:

Một là trong hàng xuất gia, vị Tỳ-kheo được phi thời giải thoát; hai là trong hàng tại gia, kẻ bạch y hay bố thí thanh tịnh.”

Tướng bố thí thanh tịnh ấy, cho đến vô lượng đời, đời đời không mất. Ví như khế ước, không khi nào mất thời. Quả của sự bố thí ấy, khi nhân duyên hòa hợp bèn có. Cũng như cây gập được thời tiết liền có hoa lá quả trái. Nếu thời tiết chưa đến, tuy có nhân mà không có quả. Pháp bố thí ấy, nếu để cầu đạo, có thể đưa đến nhân đạo. Vì sao? Vì kiết sử diệt hết mới gọi là Niết-bàn. Đương khi bố thí, các kiết sử được mỏng bớt, thì có thể giúp cho Niết-bàn.

Đối với vật bố thí không tiếc cho nên trừ keo kiệt; kính niệm người thọ nhận cho nên trừ tật đố; trực tâm bố thí cho nên trừ nịnh hót quanh co; nhất tâm bố thí cho nên trừ dao động; suy nghĩ sâu bố thí cho nên trừ hối hận; quán công đức của người thọ nhận cho nên trừ tâm ái; thương yêu người thọ nhận cho nên trừ sân; cung kính người thọ nhận cho nên trừ kiêu mạn; biết hành thiện pháp cho nên trừ vô minh; tin có quả báo cho nên trừ tà kiến; biết quyết chắc có quả báo cho nên trừ nghi. Các thứ phiền não bất thiện như vậy, khi bố thí đều bị mỏng đi, mà các thứ thiện pháp đều có được.

Khi bố thí, sáu căn thanh tịnh, tâm thiện dục phát sanh nên trong tâm thanh tịnh; quán công đức quả báo nên tín tâm phát sanh; thân tâm nhu nhuyễn cho nên hỷ lạc phát sanh; hỷ lạc phát sanh nên được nhất tâm; được nhất tâm nên trí tuệ chơn thật phát sanh. Các thiện pháp như vậy thấy đều có được.

Lại nữa, khi bố thí, trong tâm phát sanh Tám chánh đạo tương tự. Tin quả báo bố thí nên có được Chánh kiến; trong chánh kiến suy nghĩ không tán loạn nên được Chánh tư duy; thanh tịnh nói năng nên được Chánh ngữ; thanh tịnh thân hành nên được Chánh nghiệp; không cầu quả báo nên được Chánh mạng; tâm siêng bố thí nên được Chánh phương tiện (tinh tấn); niệm tưởng bố thí không bỏ nên được Chánh niệm; tâm trụ một nơi không tán loạn nên được Chánh định. Như vậy ba mươi bảy phẩm thiện pháp tương tự phát sanh trong tâm.

Lại nữa, có người bố thí, ấy là nhân duyên của ba mươi hai tướng. Vì sao? Khi bố thí giữ tâm kiên cố nên được tướng dưới bàn chân bằng phẳng đứng vững. Khi bố thí, có năm sự vây quanh người thọ nhận, là nghiệp nhân duyên về quyến thuộc, nên được tướng bánh xe dưới bàn chân. Do sức đại dũng mãnh bố thí, nên được tướng gót chân rộng phẳng. Bố thí thu phục người, nên được tướng mạng lưới giữa các ngón tay, chân. Bố thí thức ăn uống ngon lành, nên được tướng tay chân mềm mại, bảy chỗ nơi thân đầy đặn. Bố thí để lợi ích mạng sống, nên được

tướng ngón tay dài, thân không cong, to lớn ngay thẳng. Khi bố thí nói rằng ta sẽ đem cho, tâm bố thí tăng dần, nên được tướng mu bàn chân cao, lông xoay lên trên. Khi bố thí, người thọ nhận mong cầu, thì một lòng vui cho, ân cần hứa hẹn, để chắc chắn mau được, nên được tướng bắp đùi như nai Y-nê-diên. Không khinh không giận người đến xin, nên được tướng cánh tay dài quá gối. Theo ý người xin mà thí, không đợi nói ra, nên được tướng mã âm tàng. Bố thí y phục, đồ nằm tốt, vàng bạc, trân bảo, nên được tướng thân kim sắc, tướng da mỏng. Khi bố thí thích hợp với ý của người trước mặt, khởi lên nghiệp nhân duyên của sự tự tại, nên được tướng mỗi lỗ chân lông mọc một sợi lông, tướng lông trắng ở giữa hai chân mày. Người xin cần gì, liền nói sẽ cho, do nghiệp ấy nên được tướng thân tròn trịa như vai Sư tử. Gặp người bệnh thì cho thuốc, gặp người đói khát thì cho ăn uống, khởi lên nghiệp nhân duyên ít bệnh ấy nên được tướng dưới hai nách đầy đặn, tướng chất vị tối thượng (trong miệng). Khi bố thí cũng khuyên người bố thí mà an ủi chỉ vẽ con đường bố thí cho họ, nên được tướng nhục kế, tướng thân tròn trịa như Ni-câu-lô. Có người đến xin, khi có ý muốn cho êm ái nói thật, quyết chắc cho không dối, nên được tướng lưỡi rộng dài, tướng âm thanh thanh tịnh, tướng âm thanh như tiếng chim Ca-lăng-tần-già. Khi bố thí nói như thật, nói có lợi ích, nên được tướng hai má như Sư tử. Khi bố thí cúng dường người thọ nhận, tâm thanh tịnh, nên được tướng răng trắng đều nhau. Khi bố thí nói thật, nói lời hòa hợp, nên được tướng răng khít vào nhau, bốn mươi hai cái. Khi bố thí không giận, tâm không đả thương, tâm bình đẳng đối với người kia, nên cảm được tướng con mắt trong xanh, tướng mí mắt như mắt trâu chúa... Ấy là gieo trồng nhân duyên về ba mươi hai tướng.

Lại nữa, lấy bảy báu, nhân dân, xe cộ, vàng bạc, đèn đuốc, phòng xá hương hoa mà bố thí nên được làm Chuyển luân Thánh vương, bảy báu đầy đủ.

Lại nữa, bố thí đúng thời nên quả báo cũng tăng thêm nhiều. Như Phật dạy: “Bố thí cho người đi xa, cho người từ xa đến, cho người bệnh, cho người nuôi bệnh, bố thí khi gặp nạn gió rét, ấy là bố thí đúng thời.

Lại nữa, khi bố thí tùy theo sự cần thiết theo địa phương mà thí, nên được quả báo tăng nhiều.

Lại nữa, ở giữa đường trống mà thí, được phước tăng nhiều. Thường bố thí không bỏ, thì được quả báo tăng nhiều. Theo chỗ ưa muốn của người xin mà thí, thì được phước tăng nhiều. Bố thí vật nặng, thì được phước tăng nhiều, như thí tinh xá, vườn rừng, ao tắm v.v... nếu thí cho

người làng thì được quả báo thêm nhiều. Nếu thí cho tăng thì được quả báo thêm nhiều. Nếu người cho và người nhận đều có đức thì quả báo thêm nhiều. Đủ thứ nghinh đón cung kính người thọ nhận, thì được quả báo thêm nhiều. Thí vật khó kiếm được thì được phước thêm nhiều. Tùy vật có được đều có thể thí hết, thì được phước thêm nhiều. Ví như ở trong thành Phất-ca-la của nước Đại-nhục-chi, có một thợ vẽ tên là Thiện-na, đi đến nước Đa-lợi-đà-na ở phương Đông, làm khách vẽ suốt mười hai năm, được ba mươi hai lượng vàng, đem về nước cũ, ngang qua thành Phất-ca-la, nghe có tiếng trống mở đại hội, đi đến trông thấy Tăng chúng, liền sanh lòng tin thanh tịnh, hỏi thầy Duy-na rằng: “Trong chúng này cần bao nhiêu vật thì đủ một ngày ăn?” Thầy Duy-na đáp: “Ba mươi lượng vàng thì đủ một ngày ăn”.

Người thợ vẽ liền lấy ba mươi lượng vàng có được, giao thầy Duy-na và nói: “Giúp tôi làm một ngày ăn, sáng mai tôi sẽ đi về nhà”.

Người thợ vẽ với hai tay không mà trở về nhà, vợ anh ta hỏi: “Mười hai năm làm nên được thứ gì?” Đáp: “Được ba mươi lượng vàng”. Người vợ liền hỏi: “Ba mươi lượng vàng nay đâu rồi?” Đáp: “Đã gieo trong ruộng phước”. Vợ hỏi: “Ruộng phước gì?” Đáp: “Thí cho chúng Tăng”. Người vợ liền trối chồng đem đến cho quan trị tội. Đại quan xử đoán hỏi cố sự. Người vợ đáp: “Chồng tôi si cuồng, suốt mười hai năm làm được ba mươi lượng vàng, không thương xót vợ con mà lại đem cho hết người khác. Y như luật quan, bèn trối đưa đến”. Đại quan hỏi người chồng: “Người sao không cung cấp vợ con, mà lại đem cho người khác?” Đáp: “Đời trước tôi không làm công đức nên đời này nghèo chịu đủ cay đắng, đời này gặp ruộng phước, nếu không gieo phước thì đời sau còn nghèo nữa; cứ nghèo tiếp nghèo mãi không biết ngày nào thoát khỏi. Tôi nay muốn dứt ngay sự nghèo cùng, cho nên đem hết vàng mà thí cho Tăng chúng”.

Đại quan là một vị Ưu-bà-tắc, có lòng tin Phật thanh tịnh, nghe lời ấy xong, khen rằng: “Ấy là rất khó! Siêng năng khó nhọc mới có được một ít vật ấy, mà đem thí cho hết chúng Tăng, người thật là người thiện!” Liền cởi chuỗi anh lạc trên thân và xe ngựa, với một thôn đem cho người nghèo ấy, mà nói rằng: “Người mới thí chúng Tăng, chúng Tăng chưa ăn, ấy là hạt lúa chưa gieo mà mầm đã mọc, quả báo lớn đương ở kế sau vậy!” Do vậy nên nói thí hết vật khó kiếm được, thì phước rất nhiều.

Lại nữa, có thứ bố thí của thế gian, có thứ bố thí của xuất thế gian, có thứ bố thí được Thánh nhân khen ngợi, có thứ bố thí không được Thánh nhân khen ngợi, có thứ bố thí của Phật Bồ-tát, có thứ bố thí của

Thanh-văn.

Thế nào là bố thí của thế gian? Người phàm phu bố thí, cũng như Thánh nhân khởi tâm hữu lậu bố thí; ấy gọi là thế gian thí.

Lại nữa, có người nói: “Người phàm phu bố thí; ấy là thế gian thí.

Thánh nhân tuy tâm hữu lậu bố thí, nhưng vì để dứt kiết sử nên gọi là xuất thế gian thí. Vì sao? Vì Thánh nhân ấy được Vô tác tam muội vậy.

Lại nữa, thế gian thí là không thanh tịnh, xuất thế gian thí là thanh tịnh. Hai thứ kiết sử một thuộc ái, một thuộc kiến. Bị hai thứ kiết sử sai khiến là thế gian thí; không bị hai thứ kiết sử ấy, là xuất thế gian thí. Nếu có ba thứ (người cho, người nhận, tài vật) chướng ngại ràng buộc tâm, là thế gian thí. Vì sao? Các pháp nhân duyên thật không có tự ngã, mà nói là ta cho, kia nhận, cho nên gọi là thế gian thí.

Lại nữa, ta không có chỗ nhất định. Lấy ta làm kia, kia cho là không phải, lấy kia làm ta, ta cho là không phải. Vì là không nhất định, nên thật không có ngã (ta). Vật thí là do nhân duyên hòa hợp mà có, không một vật nào đơn độc tự có; như lúa, vải, do các duyên hợp lại mà thành, bỏ tư bỏ sợ thì không có lúa. Các pháp cũng như vậy. Nhất tướng vô tướng, tướng thường tự không, nhưng người ta sinh tưởng niệm, chấp cho là có, điên đảo không thật, ấy là thế gian thí. Tâm không có ba chướng ngại, thật biết rõ pháp tướng, tâm không điên đảo; ấy là xuất thế gian thí. Xuất thế gian thí được Thánh nhân khen ngợi, thế gian thí không được Thánh nhân khen ngợi.

Lại nữa, thanh tịnh thí thì không lẫn lộn các kiết sử cấu bẩn, đúng như thật tướng các pháp, là được Thánh nhân khen ngợi. Không thanh tịnh thí, thì lẫn lộn các kiết sử, tâm điên đảo chấp đắm, là không được Thánh nhân khen ngợi.

Lại nữa, thật tướng và trí tuệ hòa hợp mà bố thí, thì được Thánh nhân khen ngợi; nếu không như vậy, thì không được Thánh nhân khen ngợi.

Lại nữa, không vì chúng sanh cũng không vì biết thật tướng các pháp, mà chỉ cầu thoát khỏi sanh già bệnh chết nên thí, ấy là Thanh-văn thí. Vì chúng sanh, cũng vì biết thật tướng các pháp nên thí, ấy là chư Phật Bồ-tát thí. Đối với các công đức không thể đầy đủ, chỉ muốn được chút ít phần, ấy là Thanh-văn thí. Muốn đầy đủ viên mãn hết thảy các công đức, ấy là chư Phật Bồ-tát thí. Vì sợ già bệnh chết nên thí; ấy là Thanh-văn thí. Vì bảo trợ Phật đạo, vì hóa độ chúng sanh, không vì sợ già bệnh chết mà thí, ấy là chư Phật Bồ-tát thí. Trong đây nói về Bồ-tát Bản Sanh kinh. Như trong kinh A-bà-đà-na nói: “Xưa trong châu Diêm-

phù-đề, có vị vua tên là Bà-la-bà. Bấy giờ có Bà-la-môn Bồ-tát tên là Vi-la-ma, là thầy của Quốc vương, dạy vua thực hành pháp Chuyển luân Thánh vương. Vi-la-ma giàu có vô lượng, trân châu bảo đầy đủ, suy nghĩ rằng: “Người đời cho ta là sang, tài của giàu có vô lượng. Làm lợi ích chúng sanh, nay chính là lúc nên bố thí lớn. Giàu sang tuy vui mà hết thấy vô thường, tài của là chung của cả năm nhà (nước, lửa, vua quan, đạo tặc, con bất hiếu) khiến lòng người tán loạn, khinh động không yên định. Giống như con khỉ không chút ở yên. Mạng người chóng qua nhanh hơn điện chớp. Thân người vô thường, là chỗ tụ đọng các thứ khổ. Vì vậy nên thực hành bố thí.”

Suy nghĩ như vậy, tự tay viết lời tỏ bày, phổ cáo cho các Bà-la-môn và hết thầy người xuất gia trong cõi Diêm-phù-đề: “Mong tất cả đều đến họp tại nhà tôi, tôi muốn mở đại hội suốt mười hai năm. Cơm, nước, thuyền đi, lấy cao sữa làm ao, bún gạo làm núi, váng dầu làm ngòi rạch, y phục, ăn uống, đồ thuốc thang đều sắm rất tốt. Quá mười hai năm lại muốn đem bố thí tám muôn bốn ngàn voi trắng; lấy mai tê giác và vàng trang sức, quán bằng danh bảo, dựng cờ lớn bằng vàng, có bốn báu trang nghiêm. Tám muôn bốn ngàn ngựa; cũng lấy mai tê giác và vàng trang sức, có bốn báu quán quanh. Tám muôn bốn ngàn xe đều bằng bạc, lưu ly, pha lê, châu báu trang sức, phủ bằng da sư tử, cọp beo, hoặc bạch kiếm bà-la, bảo hiến trang sức xen lộn để cho trang nghiêm. Tám muôn bốn ngàn giường tử có bảo tạp sắc xen lẫn nhau; các thứ mền nệm, mền mại mịn láng, để trang sức; gối đỡ, mền gấm, đặt ở hai đầu giường; y phục tốt đẹp, đều có đủ cả. Tám muôn bốn ngàn cái bát vàng đựng đầy lúa bạc. Bát lưu ly đựng lúa pha lê, bát pha lê đựng lúa lưu ly. Tám muôn bốn ngàn bò sữa, mỗi con bò lấy ra một hộc sữa, móng sừng nó thì trang sức bằng vàng, đắp bằng lụa trắng. Tám muôn bốn ngàn mỹ nữ, xinh đẹp phước đức, đều lấy ngọc bạch, danh bảo, anh lạc đeo thân. Đây lược nêu vài điều cốt yếu như vậy, không thể kể xiết.”

Bấy giờ, vua Bà-la-bà và tám muôn bốn ngàn tiểu quốc vương, cùng các thần dân, hào kiệt, trưởng giả, đều lấy mười vạn tiền vàng cũ, đem tặng, khuyến trợ, để thiết bày cuộc tế như pháp đó. Bố thí đầy đủ rồi, Thích-đề-bà-na-dân (Thích-đề-hoàn-nhơn) đến nói với Bồ-tát Vi-la-ma bằng bài kệ rằng:

*Vật khó được trong trời đất,
Hay làm cho vui tất cả,
Ông nay đều đã có được,
Vì Phật đạo mà bố thí*

Bấy giờ chư Thiên Tịnh-cư hiện thân mà tán thán nói kệ:

*Mở cửa đại bố thí,
Việc ông làm ấy là,
Vì thương xót chúng sanh,
Để mà cầu Phật đạo*

Khi ấy chư Thiên suy nghĩ rằng: “Ta sẽ bít bình vàng kia lại, không cho nước chảy xuống. Vì sao? Vì có người bố thí mà không có phước điền”. Khi ấy Mavương nói với Trời Tịnh-cư: “Các Bà-la-môn ấy đều xuất gia trì giới, thanh tịnh vào đạo; sao lại nói là không có phước điền”? Trời Tịnh-cư nói: “Bồ-tát ấy vì Phật đạo nên bố thí, còn nay các người Bà-la-môn ấy đều là tà kiến, cho nên ta nói không có phước điền”. Mavương nói với Trời: “Sao biết người ấy vì Phật đạo nên bố thí?” Bấy giờ trời Tịnh-cư liền hóa thân làm Bà-la-môn, ôm bình vàng, cầm gậy vàng, đi đến chỗ Bồ-tát Vi-la-ma, nói rằng:

- Ông bố thí lớn, xả vật khó xả, để cầu cái gì? Muốn Chuyển luân Thánh vương có đủ bảy báu, ngàn con trai, cai trị bốn châu thiên hạ ư?

Bồ-tát đáp: Không cầu chuyện đó.

- Hay là ông muốn làm Thích-đề-bà-na-dân, để làm chủ tám mươi Na-do-tha thiên nữ?

- Không!

- Hay ông cầu làm chủ trời Lục dục?

- Không!

- Hay ông cầu làm Phạm-thiên vương để làm chủ ba ngàn đại thiên thế giới, làm tổ phụ của chúng sanh?

- Không!

- Vậy ông muốn cầu cái gì?

Khi ấy Bồ-tát liền nói bài kệ:

*Ta cầu chỗ vô dục,
Lìa sanh già bệnh chết,
Độ khắp các chúng sanh,
Cầu Phật đạo như vậy.*

Hoá thân Bà-la-môn hỏi rằng: “Ông chủ bố thí! Phật đạo khó được, phải chịu tâm khổ lắm, mà ông tâm mềm yếu, quen thói vui, chắc không thể cầu thành đạo ấy được. Như tôi vừa nói: Chuyển luân Thánh vương, Thích-đề-bà-na-dân, vua trời Lục dục, Phạm-thiên vương, là điều dễ cầu được. Vậy chi bằng ông hãy cầu nơi đó!”

Bồ-tát đáp rằng: “Ông hãy nghe tôi nhất tâm thể nguyện:

Giả sử vành sắt nóng,

*Xoay ở trên đầu tôi,
Nhất tâm cầu Phật đạo,
Không bao giờ hối hận!
Hoặc bị vô lượng khổ
Ba đường ác, cõi người.
Nhất tâm cầu Phật đạo,
Không bao giờ lay chuyển.*

Hoá thân Bà-la-môn nói: “Ông chủ bố thí! Lành thay! Cầu Phật đạo như vậy!” Liền tán thán kệ rằng:

*Ông sức tinh tấn lớn,
Thương xót đối tất cả,
Trí tuệ không chướng ngại,
Thành Phật hẳn không lâu.*

Khi ấy Trời mưa các hoa cúng dường Bồ-tát. Các Trời Tịnh-cư bít bình nước liền ẩn mất không hiện.

Bồ-tát khi ấy đi đến trước Bà-la-môn thượng tọa, đem bình vàng rót nước, nước bị bít không chảy. Mọi người lấy làm lạ nghi ngờ: “Các thứ đại thí, tất cả đầy đủ, chủ nhân bố thí và công đức cũng lớn. Nay tại sao nước trong bình không chảy xuống?” Bồ-tát cũng suy nghĩ: “Đó phải chăng vì cố sự khác, hay vì tâm ta không thanh tịnh? Cố sao xảy ra như vậy?” Tự xem kinh tế tự, mười sáu loại sách, thì vẫn thanh tịnh không tì vết. Khi ấy chư Thiên nói với Bồ-tát rằng: “Ông chớ nghi ngờ hối hận! Ông không có điều chi không thành tựu. Đó là do các Bà-la-môn ác tà bất tịnh mà ra vậy. Liền nói bài kệ rằng:

*Người mắc lưới tà kiến,
Phiền não phá chánh trí,
Lìa các thanh tịnh giới,
Bị khổ đọa đường ác.*

Do vậy mà nước bị bít không chảy xuống! Nói như vậy xong bỗng không xuất hiện.

Bấy giờ trời Lục dục phóng các thứ ánh sáng, chiếu đến các chúng hội nói với Bồ-tát bài kệ rằng:

*Đi trong biển ác tà,
Không thuận chánh đạo ông,
Trong các người thọ thí,
Không có ai bằng ông.*

Nói lời ấy xong, bỗng không hiện nữa. Khi Bồ-tát nghe nói kệ ấy, tự nghĩ: “Trong chúng hội thật sự không có ai bằng ta. Tại sao nước bị

bít không chảy xuống, phải làm sao đây?” Liền nói kệ rằng:

*Nếu ở trong đất khắp mười phương,
Có những người hảo tâm thanh tịnh,
Tôi nay quy y cúi đầu lễ,
Tay phải cầm bình rưới tay trái,
Mà tự lập nguyện: Tôi một người,
Đang thọ đại bố thí như vậy!*

Khi ấy nước trong bình vọt lên hư không, từ trên chảy xuống mà rưới vào tay trái của Bà-la-môn thượng tọa kia. Vua Bà-la-bà thấy sự cảm ứng ấy, tâm sanh cung kính mà nói kệ rằng:

*Đại Bà-la-môn chủ,
Nước trong màu lưu ly,
Từ trên chảy xuống dưới,
Rơi đến trong tay ông.*

Khi ấy chúng đại Bà-la-môn sanh cung kính, chắp tay tác lễ, quy y Bồ-tát, Bồ-tát nói kệ:

*Nay điều ta bố thí
Không cầu phước ba cõi
Chỉ vì các chúng sanh
Để mong cầu Phật đạo.*

Nói kệ ấy xong, hết thấy đại địa, núi sông, cây cỏ, đều rung động sáu lần. Vi-la-ma vốn cho rằng chúng ấy đáng thọ cúng dường cho nên bố thí; nhưng nay đã biết không có ai có thể thọ nhận được, mà vì thương xót nên lấy vật thọ lãnh được mà bố thí. Nhân duyên các thứ bố thí như trong Bốn Sanh truyện đã nói rộng nên biết. Ấy là bố thí bên ngoài.

Thế nào là bố thí bên trong? Không tiếc thân mạng đem thí cho các chúng sanh. Như trong Nhân duyên Bốn sanh nói: “Đức Phật Thích-ca Văn trước vốn là Bồ-tát, trong khi làm đại Quốc vương, gặp thời không có Phật, không có pháp, không có chúng Tăng, vua ấy đi ra bốn phương tìm cầu Phật pháp, cuối cùng không tìm được. Khi ấy có một Bà-la-môn nói: “Ta biết bài kệ Phật. Cúng dường cho ta, ta sẽ trao cho”. Vua liền hỏi: “Đòi cúng dường gì?” Người ấy đáp: “Người có thể trên thân người khoét thịt làm đèn cúng dường ta, ta sẽ trao cho người”. Vua suy nghĩ: “Nay thân này của ta, mong manh bất tịnh, đời đời chịu khổ không thể kể hết, chưa từng vì pháp, nay mới đắc dụng, không tiếc”. Nghĩ như vậy xong, bảo người Chiên-đà-la khoét khắp trên thân để đặt bắc đèn, mà lấy lụa trắng quấn để vào thịt, dầu bơ rưới lên trên. Một lúc cháy khắp, lửa đỏ cả thân, mới được cho một bài kệ.

Lại một kiếp khác, Thích-ca Văn Phật làm một con chim bồ câu ở trong núi tuyết gặp khi mưa tuyết lớn, có một người lạc đường, cùng khổ nguy ách, đói rét dòn đến, mạng sống chỉ còn trong giây lát. Bồ câu thấy người ấy, liền bay đi tìm lửa, chắt thành đồng đốt lên, rồi gieo thân vào lửa, thí thân cho người đói ấy.

Như vậy v.v... đem đầu, mắt, tủy não cấp thí cho chúng sanh, ở trong các kinh nói về hai Nhân duyên Bốn sanh, trong đó đã nói rộng nên biết. Các thứ như vậy, gọi là bố thí bên trong.

-----o0o-----